

BỘ CÔNG THƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/2015/TT-BCT

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2015

THÔNG TƯ

SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MẪU GIẤY CHỨNG NHẬN XUẤT XỨ HÀNG HÓA BAN HÀNH KÈM THEO THÔNG TƯ SỐ 31/2013/TT-BCT NGÀY 15 THÁNG 11 NĂM 2013 CỦA BỘ TRƯỞNG BỘ CÔNG THƯƠNG QUY ĐỊNH THỰC HIỆN QUY TẮC XUẤT XỨ TRONG HIỆP ĐỊNH KHU VỰC THƯƠNG MẠI TỰ DO VIỆT NAM - CHI LÊ

Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 19/2006/NĐ-CP ngày 20 tháng 02 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về xuất xứ hàng hóa;

Thực hiện Hiệp định khu vực thương mại tự do Việt Nam - Chi Lê được Bộ trưởng hai nước ký kết ngày 11 tháng 11 năm 2011 tại Hô-nô-lu-lu, Ha-oai, Hoa Kỳ và được hai nước ký sửa đổi ngày 20 tháng 5 năm 2013;

Thực hiện Thư trao đổi sửa đổi, bổ sung Hiệp định khu vực thương mại tự do Việt Nam - Chi Lê được Bộ trưởng hai nước ký ngày 02 tháng 6 năm 2014;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Xuất nhập khẩu,

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung mẫu Giấy chứng nhận xuất xứ hàng hóa (C/O) ban hành kèm theo Thông tư số 31/2013/TT-BCT ngày 15 tháng 11 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định thực hiện Quy tắc xuất xứ trong Hiệp định khu vực thương mại tự do Việt Nam - Chi Lê (sau đây gọi tắt là Thông tư số 31/2013/TT-BCT) như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung Thông tư số 31/2013/TT-BCT

1. Bãi bỏ Phụ lục IV-A – Mẫu C/O VC của Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư số 31/2013/TT-BCT và thay thế bằng Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư này.
2. Bãi bỏ Phụ lục IV-B – Mẫu C/O VC của Chi Lê ban hành kèm theo Thông tư số 31/2013/TT-BCT và thay thế bằng Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 11 tháng 5 năm 2015./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Văn phòng Chủ tịch nước, Văn phòng Tổng bí thư,
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng TW và Ban Kinh tế TW;
- Viện KSND tối cao;
- Tòa án ND tối cao;
- Cơ quan TW của các Đoàn thể;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra Văn bản);
- Công báo;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các website: Chính phủ, Bộ Công Thương;
- Các Sở Công Thương;
- Bộ Công Thương: Bộ trưởng; các Thứ trưởng; Vụ Pháp chế; các Vụ, Cục; các Phòng QLXNK khu vực (18);
- Lưu: VT, XNK (10).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Trần Tuấn Anh

PHỤ LỤC I

MẪU C/O VC CỦA VIỆT NAM

(ban hành kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BCT ngày 27 tháng 3 năm 2015 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư số 31/2013/TT-BCT)

Original (Duplicate/Triplicate)

CERTIFICATE OF ORIGIN Page: ___/___

1. Exporter's business name, address, country	4. Reference No. : _____ VIETNAM – CHILE Free Trade Agreement FORM VC Issued in _____ (Country)
2. Consignee's name, address, country	(See Overleaf Notes)
	For Official Use

		Preferential Tariff Treatment Given under FTA Preferential Tariff Treatment Not Given under FTA (please state reason(s)) Signature of Authorized Signatory of the Importing Country			
3. Means of transport and route (as far as known) Departure date: Vessel's name/Aircraft etc: Port of Discharge:		5 Issued Retroactively Non-Party Invoicing Certified True Copy			
6. Item number	7. Marks and numbers of packages	8. Number and type of packages, description of goods (including HS code)	9. Origin criterion	10. Gross weight or quantity	11. Number and date of invoices
12. Declaration by the exporter: The undersigned, hereby declares that the above details and statement are correct; that all the goods were produced in (country) and that they comply with the origin requirements specified for these goods in the VCFTA Place and date, name, signature and company authorized signatory		13. Certification It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct. Place and date, signature and stamp of Issuing Authority			

OVERLEAF NOTES

For the purpose of claiming preferential tariff treatment, the document should be completed legibly and filled by the exporter. All items of the form should be completed in the English Language.

If the space of this document is insufficient to specify the necessary particulars for identifying the goods and other related information, the exporter may provide the information using additional Certificate of Origin.

Box 1: State the full name, address and country of the exporter.

Box 2: State the full name, address and country of the consignment.

Box 3: Provide the departure date, the name of vessel/aircraft and the name of the port of discharge, as far as known.

Box 4: State the country where the Certificate of Origin is issued.

Box 5:

- If the Certificate of Origin is issued Retroactively, the “Issued Retroactively” box should be ticked (Ö)

- In case where invoices are issued by a non-Party, the “Non-Party invoicing” box should be ticked (Ö)

- In case the Certificate of Origin is a duplicate of the original, in accordance with Rule 7, the “certified true copy” box should be ticked (Ö).

Box 6: Provide the item number.

Box 7: Provide the marks and number of packages.

Box 8: Provide the number and type of packages, HS code and description of each good consigned. The HS code should be indicated at the six-digit level.

The description of the good on a Certificate of Origin should be substantially identical to the description on the invoice and, if possible to the description under HS code for the good.

Box 9: For the goods that meet the origin criterion, the exporter must indicate the origin criterion met, in the manner shown in the following table:

Description of Criterion	Criterion (Insert in Box 9)
a) a good is wholly obtained or produced in the Party as	WO

set out and defined in Article 4.3 of the VCFTA	
b) a good satisfies paragraph 1 of Article 4.4 of the VCFTA	RVC 40% or CTH
c) a good satisfies paragraph 3 of Article 4.4 of the VCFTA (i.e the Product Specific Rules)	
- Change in Tariff Classification	
· Change in Tariff Chapter	CC
· Change in Tariff Heading	CTH
· Change in Tariff Subheading	CTSH
- Regional Value Content	RVC 40%, RVC 50%
d) a good is produced entirely in the Party exclusively from originating materials of the Parties	PE
Also, exporters should indicate the following where applicable:	
(e) Goods which comply with Article 4.6 of the VCFTA	ACU
(f) Goods which comply with Article 4.9 of the VCFTA	DMI

Box 10: For each good indicate the quantity or gross weight

Box 11: Indicate the invoice number(s) and date(s) for each good. The invoice should be the one issued for the importation of the good into the importing Party.

Where invoices are issued by a third country, in accordance with Rule 17 of the Operational Certification Procedures, the “Non-Party Invoicing” box in box 5 should be ticked (Ö). The number of invoices issued for the importation of goods into the importing Party should be indicated in box 11, and the full legal name and address of the company or person that issued the invoices shall be indicated in box 8.

In a case where the invoice number issued in a non-Party at the time of issuance of the Certificate of Origin is not known, Box 11 should be left blank.

Box 12: This Box should be completed, signed and dated by the exporter. The “Date” should be the date when the Certificate of Origin is applied for.

Box 13: This Box should be completed, dated, signed and stamped by the Issuing Authority of the exporting Party. The “Date” should be the date when the Certificate of Origin is issued.

PHỤ LỤC II

MẪU C/O VC CỦA CHI LÊ

(ban hành kèm theo Thông tư số 05/2015/TT-BCT ngày 27 tháng 3 năm 2015 của Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung Thông tư số 31/2013/TT-BCT)

CERTIFICATE OF ORIGIN Page: ____/____

<p>1. Exporter's business name, address, country</p>	<p>4. Reference No. : _____</p> <p align="center">VIETNAM – CHILE</p> <p align="center">Free Trade Agreement</p> <p align="center">FORM VC</p> <p>Issued in _____</p> <p align="center">(Country)</p>						
<p>2. Consignee's name, address, country</p>	<p align="center">(See Overleaf Notes)</p> <p>For Official Use</p> <p>Preferential Tariff Treatment Given under FTA</p> <p>Preferential Tariff Treatment Not Given under FTA (please state reason(s))</p> <p>.....</p> <p>Signature of Authorized Signatory of the Importing Country</p>						
<p>3. Means of transport and route (as far as known)</p> <p>Departure date:</p> <p>Vessel's name/Aircraft etc:</p> <p>Port of Discharge:</p>	<p>5</p> <p>Issued Retroactively</p> <p>Non-Party Invoicing</p> <p>Certified True Copy</p>						
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 16.6%;">6. Item</td> <td style="width: 16.6%;">7. Marks and</td> <td style="width: 16.6%;">8. Number and type of</td> <td style="width: 16.6%;">9. Origin</td> <td style="width: 16.6%;">10. Gross</td> <td style="width: 16.6%;">11. Number</td> </tr> </table>	6. Item	7. Marks and	8. Number and type of	9. Origin	10. Gross	11. Number	
6. Item	7. Marks and	8. Number and type of	9. Origin	10. Gross	11. Number		

number	numbers of packages	packages, description of goods (including HS code)	criterion	weight or quantity	and date of invoices
<p>12. Declaration by the exporter:</p> <p>The undersigned, hereby declares that the above details and statement are correct; that all the goods were produced in</p> <p>.....</p> <p>(country)</p> <p>and that they comply with the origin requirements specified for these goods in the VCFTA</p> <p>.....</p> <p>Place and date, name, signature and company authorized signatory</p>			<p>13. Certification</p> <p>It is hereby certified, on the basis of control carried out, that the declaration by the exporter is correct.</p> <p>.....</p> <p>Place and date, signature and stamp of Issuing Authority</p>		

OVERLEAF NOTES

For the purpose of claiming preferential tariff treatment, the document should be completed legibly and filled by the exporter. All items of the form should be completed in the English Language.

If the space of this document is insufficient to specify the necessary particulars for identifying the goods and other related information, the exporter may provide the information using additional Certificate of Origin.

Box 1: State the full name, address and country of the exporter.

Box 2: State the full name, address and country of the consignment.

Box 3: Provide the departure date, the name of vessel/aircraft and the name of the port of discharge, as far as known.

Box 4: State the country where the Certificate of Origin is issued.

Box 5:

- If the Certificate of Origin is issued Retroactively, the “Issued Retroactively” box should be ticked (Ö)
- In case where invoices are issued by a non-Party, the “Non-Party invoicing” box should be ticked (Ö)
- In case the Certificate of Origin is a duplicate of the original, in accordance with Rule 7, the “certified true copy” box should be ticked (Ö).

Box 6: Provide the item number.

Box 7: Provide the marks and number of packages.

Box 8: Provide the number and type of packages, HS code and description of each good consigned. The HS code should be indicated at the six-digit level.

The description of the good on a Certificate of Origin should be substantially identical to the description on the invoice and, if possible to the description under HS code for the good.

Box 9: For the goods that meet the origin criterion, the exporter must indicate the origin criterion met, in the manner shown in the following table:

Description of Criterion	Criterion (Insert in Box 9)
a) a good is wholly obtained or produced in the Party as set out and defined in Article 4.3 of the VCFTA	WO
b) a good satisfies paragraph 1 of Article 4.4 of the VCFTA	RVC 40% or CTH
c) a good satisfies paragraph 3 of Article 4.4 of the VCFTA (i.e the Product Specific Rules) - Change in Tariff Classification · Change in Tariff Chapter · Change in Tariff Heading · Change in Tariff Subheading - Regional Value Content	 CC CTH CTSH RVC 40%, RVC 50%
d) a good is produced entirely in the Party exclusively	PE

from originating materials of the Parties	
Also, exporters should indicate the following where applicable:	
(e) Goods which comply with Article 4.6 of the VCFTA	ACU
(f) Goods which comply with Article 4.9 of the VCFTA	DMI

Box 10: For each good indicate the quantity or gross weight

Box 11: Indicate the invoice number(s) and date(s) for each good. The invoice should be the One issued for the importation of the good into the importing Party.

Where invoices are issued by a third country, in accordance with Rule 17 of the Operational Certification Procedures, the “Non-Party Invoicing” box in box 5 should be ticked (Ö). The number of invoices issued for the importation of goods into the importing Party should be indicated in box 11, and the full legal name and address of the company or person that issued the invoices shall be indicated in box 8.

In a case where the invoice number issued in a non-Party at the time of issuance of the Certificate of Origin is not known, Box 11 should be left blank.

Box 12: This Box should be completed, signed and dated by the exporter. The “Date” should be the date when the Certificate of Origin is applied for.

Box 13: This Box should be completed, dated, signed and stamped by the Issuing Authority of the exporting Party. The “Date” should be the date when the Certificate of Origin is issued.